|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT GIA LÂM  **TRƯỜNG THCS DƯƠNG XÁ**  **ĐỀ SỐ 2**  ***(Đề thi gồm 3 trang)*** | **ĐỀ THI THỬ TUYỂN SINH VÀO 10**  **NĂM HỌC 2020 – 2021**  **Môn: Hóa học 9**  *Thời gian làm bài: 60 phút* |

**Chọn câu trả lời đúng:**

**Câu 1:** Biết 7,2 g oxit sắt tác dụng vừa đủ với 100 ml dung dịch HCl 2M. Công thức phân tử của oxit sắt là:

**A.** Fe(OH)2 **B.** Fe3O4 **C.** Fe2O3 **D.** FeO

**Câu 2:** Etilen là nguyên liệu để điều chế nhựa polietilen, ancol etylic và axit axetic. Phản ứng giữa etilen và Br2 trong dung dịch được gọi là phản ứng:

**A.** thế. **B.** trùng hợp. **C.** cộng. **D.** đốt cháy.

**Câu 3:** Ở điều kiện thường, chất nào sau đây tồn tại ở thể lỏng?

**A.** CH3COOH **B.** C2H2 **C.** C2H4 **D.** CH4

**Câu 4:** Cặp bazơ làm dung dịch phenolphtalein hoá đỏ là:

**A.** Zn(OH)2, Al(OH)3 **B.** Ba(OH)2, Mg(OH)2

**C.** Fe(OH)2, Fe(OH)2  **D.** NaOH, Ca(OH)2

**Câu 5:**Trong các phản ứng sau đây, đâu là phản ứng thế:

**A.** 2KMnO4  K2MnO4 + MnO2 + O2↑ **B.** Mg + H2SO4 loãng → MgSO4 + H2↑

**C.** 2Fe(OH)3  Fe2O3 **+** 3H2O **D.** CaO + H2O → Ca(OH)2

**Câu 6:** Thuốc thử dùng để phân biệt được ba chất lỏng riêng biệt rượu etylic, axit axetic và etyl axetat là:

**A.** quỳ tím và nước. **B.** Fe và H2SO4 loãng.

**C.** quỳ tím và CaCO3. **D.** xăng và K2CO3.

**Câu 7:** Khử 16 g oxit M2O3 cần dùng 6,72 lít H2 (đktc). Kim loại M là:

**A.** Al **B.** Mg **C.** Fe **D.** Zn

**Câu 8:** Tổng số liên kết đơn trong một phân tử metan là:

**A.** 2 **B.** 4 **C.** 1 **D.** 3

**Câu 9:** Nguyên tử N có hoá trị III trong phân tử chất nào sau đây?

**A.** N2O3 **B.** N2O5 **C.** NO **D.** NO2

**Câu 10:** Khi cho 100 ml dung dịch KOH 1M tác dụng hết với dung dịch H2SO4 2M tạo thành muối trung hòa. Thể tích dung dịch H2SO4 2M là:

**A.** 400 ml              **B.** 500 ml                 **C.** 250 ml                 **D.** 125 ml

**Câu 11:** Ở điều kiện thường, chất nào sau đây tồn tại ở thể lỏng?

**A.** Tinh bột. **B.** Glucozơ. **C.** Saccarozơ. **D.** Axit axetic.

**Câu 12:** Phân tử magie sunfit gồm: 1Mg, 1S, 3O. Công thức hóa học của magie sunfit là:

**A.** Mg1S1O3 **B.** MgSO3 **C.** Mg(SO)3 **D.** MgS1O3

**Câu 13:** Cho 3 chất lỏng: CH3COOH, C2H5OH và CH3COOC2H5, được kí hiệu ngẫu nhiên là X, Y, Z. Biết:

* X tác dụng được với Na, không tác dụng với dung dịch NaOH.
* Y tác dụng được với dung dịch NaOH, không tác dụng với Na.
* Z tác dụng được với dung dịch NaOH và tác dụng được vói với Na.

X, Y, Z lần lượt là:

**A.** C2H5OH, CH3COOC2H5, CH3COOH. **B.** CH3COOC2H5, C2H5OH, CH3COOH.

**C.** CH3COOH, C2H5OH, CH3COOC2H5. **D.** CH3COOH, CH3COOC2H5, C2H5OH.

**Câu 14:** Cho 1,36 gam hỗn hợp gồm Al, Mg và Zn vào dung dịch HCl vừa đủ. Sau khi các phản ứng kết thúc, thu được 1,344 lít khí H2 (đktc). Cô cạn dung dịch sau phản ứng thì khối lượng muối khan thu được là:

**A.** 1,42 g          **B.** 5,56 g                 **C.** 2,35 g                  **D.** 5,62 g

**Câu 15:** Dung dịch HCl tác dụng với bazơ nào tạo thành dung dịch có màu vàng nâu:

**A.** Ca(OH)2 **B.** Fe(OH)3 **C.** Cu(OH)2 **D.** KOH

**Câu 16:** Dung dịch ZnSO4 lẫn tạp chất CuSO4. Dùng kim loại nào làm sạch dd ZnSO4:

**A.** Zn **B.** Fe **C.** Mg **D.** Cu

**Câu 17:** Đốt cháy 2,8 lít hỗn hợp CH4 và C2H4 (đktc) cần dùng vừa đủ 7,84 lít O2 (đktc). Thành phần phần trăm theo thể tích CH4, C2H4 là:

**A.** 60% và 40% **B.** 40% và 60% **C.** 55% và 45% **D.** 45% và 55%

**Câu 18:** Dãy oxit nào sau đây tác dụng với dung dịch bazơ NaOH:

**A.** CO, SO2, CO2 **B.** K2O, SO2, CO2 **C.** P2O5, N2O5, CO **D.** SO3, CO2, N2O5

**Câu 19:** Hợp chất hữu cơ nào sau đây chứa 1 liên kết ba, cấu tạo gồm 2 nguyên tử cacbon:

**A.** C2H2 **B.** CH4 **C.** C2H4 **D.** C2H6O

**Câu 20:** Rượu 35o có nghĩa là:

**A.** Trong 100 gam hỗn hợp rượu với nước có 65 g rượu nguyên chất.

**B.** Trong 100 ml nước có 35 ml rượu nguyên chất.

**C.** Trong 100 ml hỗn hợp rượu với nước có 35 ml rượu nguyên chất.

**D.** Trong 100 gam hỗn hợp rượu với nước có 35 g rượu nguyên chất.

**Câu 21:** Ứng dụng nào **không** phải của muối ăn NaCl:

**A.** Gia vị và bảo quản thực phẩm. **B.** Điều chế thuốc tẩy trắng quần áo.

**C.** Điều chế H2SO4 **D.** Điện phân nóng chảy thu được Na, Cl2

**Câu 22:** Cho luồng khí H2 dư đi qua 3,2 gam CuO nung nóng, sau phản ứng thu được 2,688 gam hỗn hợp chất rắn. Hiệu suất phản ứng là:

**A.** 50% **B.** 80% **C.** 84% **D.** 92,5%

**Câu 23:** Tên gọi của CaSO4 là:

**A.** Canxi sunfuric. **B.** Canxi sunfat. **C.** Canxi sunfua. **D.** Canxi sunfit.

**Câu 24:** Cho 5 g hỗn hợp 2 kim loại Cu và Mg vào dd H2SO4 loãng dư, người ta thu được 2,24 lít khí (đktc). Thành phần % theo khối lượng của Cu và Mg lần lượt là:

**A.** 52% và 48% **B.** 48% và 52% **C.** 35% và 65% **D.** 65% và 35%

**Câu 25:** Thể tích dung dịch KOH 0,5 M cần dùng để trung hòa hết 100 ml dung dịch CH3COOH 1M là:

**A.** 100 ml. **B.** **1**50 ml. **C.** 200 ml. **D.** 300 ml.

**Câu 26:** Chọn câu đúng nhất trong các câu sau:

**A.** Polime là những chất có phân tử khối rất lớn do nhiều mắt xích liên kết với nhau.

**B.** Polime là những chất có phân tử khối nhỏ.

**C.** Polime là những chất có phân tử khối rất lớn do nhiều loại nguyên tử liên kết với nhau.

**D.** Polime là những chất có phân tử khối lớn.

**Câu 27:**Nhỏ từ từ dung dịch NaOH vào dung dịch chứa 0,25 mol CuCl2 đển khi kết tủa không tạo thêm nữa thì dừng lại. Lọc kết tủa rồi đem nung đến khối lượng không đổi thu được chất rắn là CuO. Khối lượng CuO thu được là:

**A.** 40 g **B.** 10 g **C.** 30 g **D.** 20 g

**Câu 28:** Trong các axit sau, đâu là axit yếu:

**A.** H2SO4 **B.** H2SO3 **C.** HCl **D.** HNO3

**Câu 29:** Đốt cháy 14 g Fe trong Cl2 thu được FeCl3. Khối lượng FeCl3 tạo thành là:

**A.** 3,25 g **B.** 5,6 g **C.** 40,625 g **D.** 10,12 g

**Câu 30:** Phân tử protein được tạo ra từ các phân tử nào:

**A.** Amino axit. **B.** Metan **C.** Axit axetic. **D.** Saccarozơ

**Câu 31:** Tính chất vật lý nào sau đây là tính chất của phi kim:

**A.** Chỉ tồn tại ở trạng thái rắn. **B.** Có ánh kim.

**C.** Nhiệt độ nóng chảy thấp. **D.** Dẫn điện tốt.

**Câu 32:** Tính chất nào sau đây **không** đúng với rượu etylic?

**A.** Có khả năng diệt khuẩn, sát trùng. **B.** Dễ cháy kèm tỏa nhiệt mạnh.

**C.** Ít tan trong nước. **D.** Có nhiệt độ sôi thấp hơn nước.

**Câu 33:** Sục 8,96 lít khí SO3 (đktc) đi qua 200 ml dung dịch Ca(OH)21,5 M. Khối lượng muối thu được là:

**A.** 50,8 g **B.** 47,2 g **C.** 88 g **D.** 40,8 g

**Câu 34:** Nguyên tố kali ở chu kì 4, nhóm IA trong bảng tuần hoàn. Số electron lớp ngoài cùng của nguyên tử kali là:

**A.** 2 **B.** 24 **C.** 3 **D.** 1

**Câu 35:** Hai chất đều tham gia phản ứng cộng Br2 trong dung dịch ở điều kiện thường là:

**A.** CH4 và CH4 **B.** C2H4 và C2H2 **C.** CH4 và CO2 **D.** C2H2 và H­2O

**Câu 36:** Phản ứng đốt cháy C2H2 sinh ra CO2 và H2O với tỉ lệ mol tương ứng là:

**A.** 3 : 1 **B.** 1 : 2 **C.** 1 : 1 **D.** 2 : 1

**Câu 37:** Tiến hành phản ứng este hóa hỗn hợp 9,2 gam ancol etylic (xúc tác H2SO4 đặc), thu được 2,64 gam etyl axetat. Hiệu suất của phản ứng este hóa là:

**A.** 60%. **B.** 50%. **C.** 40%. **D.** 30%

**Câu 38:** Chất nào sau đây làm quỳ tím chuyển màu đỏ:

**A.** Axetilen. **B.** Rượu etylic. **C.** Axit axetic. **D.** Etilen.

**Câu 39:** Oxit nào sau đây là oxit trung tính:

**A.** CO2 **B.** N2O5 **C.** P2O5 **D.** CO

**Câu 40:** Chất nào sau đây là nhiên liệu:

**A.** Quỳ tím **B.** Nước **C.** Than **D.** Nhôm

***(Cho H = 1, Al = 27, Zn = 65, Mg = 24, Fe = 56, S = 32, Cu = 64, K = 39, Cl = 35,5, C = 12, Ca = 40)***

------------------------ **HẾT** ----------------------